TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ – ST
Ngày 18 - 9 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tiến.
2. Ông Nguyễn Quang Thái

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1977.

Cư trú tại: Số 9, ngõ 62, tổ 7, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, có mặt".

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1983.

Cư trú tại: Thôn L, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị P, sinh năm 1959; cư trú tại: Thôn L, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Đinh Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Lan A kết hôn ngày 21 tháng 10 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phương T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Thái

Bình. Trước khi kết hôn anh và chị A được tự do tìm hiểu; sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng nhau đi làm ăn ở tỉnh Q, đến năm 2009 vợ chồng anh chị về huyện B làm ăn và ở chung cùng gia đình nhà chị A ở thôn L, thị trấn G, huyện B; cuộc sống tình cảm vợ chồng, gia đình thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng đều không có việc làm ổn định nên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên cuối năm 2010 anh đã về Thái Bình sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh tha thiết xin được ly hôn chị A.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2004. Hiện nay cháu M đang sống cùng chị A. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M; anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan A: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập chị L rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để chị A đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là anh T. Chị A biết việc anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị và đề nghị giải quyết nuôi con chung là cháu Đinh Nhật M nhưng chị A không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Lan A, vào năm 2003 chị A kết hôn với anh Đinh Văn T, (anh T là người ở T), sau khi kết hôn anh T, chị A đi làm ăn ở tỉnh Quảng Ninh, thỉnh thoảng anh chị có về thăm gia đình bà sau đó lại đi; năm 2004 chuẩn bị sinh con chị A về nhà bà ở và sinh cháu M, sau khi cháu M được 06 tháng tuổi chị A và anh T gửi lại cháu M nhờ bà nuôi hộ, chị A tiếp tục đi làm ăn cùng anh T ở Quảng Ninh, thỉnh thoảng anh chị về thăm con và gia đình. Đến năm 2009 anh, chị về ở chung cùng gia đình bà, lúc này anh T đi lái xe tacxi, chị A đi làm ở Công ty gần nhà. Thời gian này, đôi khi cũng thấy anh chị xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, khoảng cuối năm 2010, anh T về Thái Bình, chị A và cháu M ở lại gia đình bà. Thời gian qua bà có nhận được 1 số giấy tờ của Tòa án gửi cho chị A như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, công văn; Tòa án thông báo cho chị A về việc anh T có đơn xin ly hôn, vì chị A đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà nên bà đã nhận thay, sau khi nhận giấy thay, chị A về bà đã giao lại giấy cho chị A và thông báo cho chị A được biết việc anh

T xin ly hôn chị và anh T xin nuôi cháu M nhưng chị A nói chị bận công việc nên không ra Tòa án để làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của anh T, chị nhất trí quan điểm của anh T là anh T xin được nuôi cháu M.

Về con chung của anh T và chị A: Anh chị có một con chung là cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2004. Vì chị A đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nên cháu M hiện nay đang ở cùng bà; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T xin được nuôi cháu M, bà hoàn toàn nhất trí, khi nào anh T đón cháu thì bà sẽ tự nguyện giao cháu M cho anh T.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung gì.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình có xác nhận: Ngày 21 tháng 10 năm 2003, Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Thái Bình có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị A, được thể hiện vào quyển sổ số 95 đang lưu tại Ủy ban.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, xác minh tại Ủy ban nhân thị trấn G cho biết chị Nguyễn Thị Lan A là con gái bà Trần Thị P ở thôn L, thị trấn G. Năm 2003 chị A lấy chồng nhà chồng ở tỉnh Thái Bình, anh chị không đăng ký kết hôn tại Ủy ban thị trấn G. Sau thời gian chị A kết hôn, thỉnh thoảng thấy vợ chồng chị về thăm gia đình bà P; đến khoảng năm 2009 thấy vợ chồng chị A về sống chung cùng gia đình bà P. Quá trình chung sống, thời gian đầu thấy vợ chồng anh chị sống hòa thuận, đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi nhau; đến khoảng cuối năm 2010 anh, chị không sống cùng nhau nữa, anh T đã về Thái Bình là quê anh T, còn chị Lan A và cháu M là con anh T chị A vẫn ở cùng gia đình bà P. Còn nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do đâu thì địa phương cũng không nắm rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh Toan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Đinh Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan A; giao con chung là cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T vì anh T không yêu cầu; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đinh Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Lan A và đề nghị được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan A hiện đang cư trú tại: Thôn L, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là chị Nguyễn Thị Lan A đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là anh Đinh Văn T khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc chị A cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào giấy xác nhận ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình và lời khai của anh T thể hiện anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị Lan A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Thái Bình ngày 21 tháng 10 năm 2003, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị A là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, mặt khác do không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày nên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà anh T đều khẳng định tình cảm vợ chồng với chị A không còn, việc đoàn tụ là không thể, anh vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A, nếu Toà án không cho anh ly hôn với chị A anh cũng không thể về đoàn tụ với chị A được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập, công văn của Tòa án, nội dung Công văn nêu rõ "Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, nếu chị A không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì thì coi như chị đã đồng ý toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện và Tòa án sẽ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn" nhưng chị A vẫn không đến Tòa án làm việc hay gửi văn bản nêu rõ ý kiến, quan điểm của mình, như vậy có thể hiểu rằng chị A đã đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện. Xét, cuộc sống chung giữa anh T và chị A không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng

nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị A có một con chung là cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2004. Kể từ khi vợ chồng chị ly thân đến nay, cháu M vẫn sống cùng chị A và gia đình bà P là mẹ chị A. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa anh T tha thiết xin được nuôi cháu và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt, chị A tuy không có văn bản làm việc trực tiếp tại tòa nhưng qua lời khai của bà P cho biết việc anh T xin nuôi cháu M, chị hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì, đều này hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu M xin được ở với anh T; do vậy cần giao cháu M cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; chị A không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T vì anh T không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian anh T chăm sóc nuôi dưỡng cháu M mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu thì chị A có quyền làm đơn đề nghị thay đổi về người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết, chị A vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Anh Đinh Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan A.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2004 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Đinh Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002617 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan